TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **107**/2021/DS-ST
Ngày: 15/4/2021
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản, hợp đồng bảo lãnh*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Vĩnh Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Thuần

2. Ông Nguyễn Trung Trực

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Kim Thơ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên toà:*** Ông Phạm Minh Thanh – Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 283/2020/TLST - DS ngày 06 tháng 10 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản, hợp đồng bảo lãnh" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST - DS ngày 22 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng V

Trụ sở: 108 Đ, Quận K, TP. Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật Ông T – Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng V

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Phạm Hoàng Anh Tuấn - Phó Giám đốc Ngân hàng V – Chi nhánh Tiền Giang

2. Bà L1 – Trưởng phòng giao dịch L, chi nhánh Tiền Giang

Theo văn bản ủy quyền số 1122/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 25/10/2019 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng V.

Bị đơn: 1. Ông K, sinh năm 1969

2. Bà C, sinh năm 1969

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà L, sinh năm 1940

2. Anh S, sinh năm 1996

3. Chị N, sinh năm 2000

Cùng địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang

4. Ông H, sinh năm 1938

5. Bà L, sinh năm 1947

6. Anh V, sinh năm 2002

7. Chị D, sinh năm 1990

Cùng địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện G, Tiền Giang

Bà L1 có mặt, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Ngân hàng V và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà L1 là người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng V có ký với Ông K, bà C hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng tín dụng số: 0023/2020-HĐCVHM/NHCT76031 ngày 21/01/2020

Số tiền cho vay:700.000.000 đồng.

Dư nợ hiện tại: 700.000.000 đồng.

Lãi suất cho vay trong hạn: 10%/năm.

Lãi suất phạt quá hạn: 50% lãi suất cho vay trong hạn.

Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn chăn nuôi heo.

Các giấy nhận nợ cụ thể theo HĐTD như sau :

+Giấy nhận nợ số 01 ngày 22/01/2020:

Số tiền vay 280.000.000 đồng

Ngày vay : 22/01/2020

Hạn trả : 22/07/2020

Lãi suất : 10%/năm.

+Giấy nhận nợ số 02 ngày 27/03/2020:

Số tiền vay 340.000.000 đồng

Ngày vay : 27/03/2020

Hạn trả : 27/09/2020

Lãi suất : 10%/năm.

+Giấy nhận nợ số 03 ngày 01/04/2020:

Số tiền vay 80.000.000 đồng

Ngày vay : 01/04/2020

Hạn trả : 01/10/2020

Lãi suất : 10%/năm.

Thỏa thuận về phương thức trả gốc lãi: gốc và lãi trả 06 tháng/lần vào ngày nhận nợ

Khoản vay theo giấy nhận nợ số 01 ngày 22/01/2020 đến hạn vào ngày 22/07/2020 Ông K, bà C vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng nên toàn bộ khoản vay của Ông K, bà C tại Ngân hàng V - Chi nhánh Tiền Giang đã chuyển nợ quá hạn. Tổng dư nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng là 740.130.350 đồng, trong đó nợ gốc 700.000.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 15/09/2020 là 40.130.350 đồng.

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, đôn đốc yêu cầu Ông K, bà C thanh toán nợ cho Ngân hàng nhưng đến nay Ông K, bà C vẫn chưa thanh tóan cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng yêu cầu giải quyết:

1. Buộc Ông K, bà C phải trả cho Ngân hàng V - chi nhánh Tiền Giang số tiền: 740.130.350 đồng, trong đó: nợ gốc: 700.000.000 đồng và buộc Ông K, bà C phải tiếp tục trả tiền lãi cho Ngân hàng V - Chi nhánh Tiền Giang theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trên số nợ gốc thực tế cho đến khi thi hành án xong (tổng số tiền lãi tạm tính đến ngày 15/09/2020 là 40.130.350 đồng), trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Nếu Ông K, bà C chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngân hàng, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo tuyên xử lý các tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Ông K, bà C và hộ bà L để cấn trừ nợ, bao gồm:

+ Quyền sử dụng 2.318,2 m2 đất ở nông thôn + đất trồng cây lâu năm tại ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00266 do UBND huyện Chợ Gạo cấp ngày 31/12/2010, thế chấp tài sản theo hợp đồng thế chấp số 16.0355-A/HĐTC ngày 19/10/2016. Tài sản trên thuộc sở hữu của Ông K và bà C.

+ Quyền sử dụng 4.197,7 m2 đất trồng cây lâu năm tại ấp N, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00267 do UBND huyện Chợ Gạo cấp ngày 31/12/2010, thế chấp tài sản theo hợp đồng thế chấp số 16.0355-A/HĐTC ngày 19/10/2016. Tài sản trên thuộc sở hữu của Hộ Ông K.

+ Quyền sử dụng 994,7 m2 đất trồng cây lâu năm tại ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00501 do UBND huyện Chợ Gạo cấp ngày 03/03/2011, thế chấp tài sản theo hợp đồng thế chấp số 17.0332/HĐTC ngày 07/08/2017. Tài sản trên thuộc sở hữu của Hộ bà C.

+ Quyền sử dụng 4.185,4 m2 đất trồng cây lâu năm tại ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00457 do UBND huyện Chợ Gạo cấp ngày 31/12/2010, thế chấp tài sản theo hợp đồng thế chấp số 16.0355-B/HĐTC ngày 19/10/2016. Tài sản trên thuộc sở hữu của Hộ Bà L.

- Tại biên bản hòa giải ngày 29 tháng 12 năm 2020, bị đơn ông K và bà C trình bày:

Chúng tôi thừa nhận có vay tiền của Ngân hàng V và còn nợ số tiền vốn là 700.000.000 đồng và tiền lãi. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chúng tôi đồng ý trả số tiền nợ vốn 700.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính là 67.142.465 đồng. Trường hợp chúng tôi không trả nợ thì đồng ý phát mãi tài sản thế chấp để trả nợ.

- Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Toà án đã tiến hành triệu tập bà L, anh S, chị N, ông H, bà L, anh V, chị Mỹ Duyên đến Toà để tham gia phiên họp, phiên hoà giải và phiên tòa nhưng các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không có lý do cũng không cung cấp chứng cứ hoặc có ý kiến bằng văn bản, nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu quan điểm

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông K và bà C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L, anh S, chị N, ông H, bà L, anh V, chị D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Ngân hàng yêu cầu ông K, bà C trả số tiền nợ vay và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản, hợp đồng bảo lãnh"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện

Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông K, bà C trả tiền nợ đã vay với gốc là 700.000.000 đồng và tiền lãi. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là *"Hợp đồng tín dụng"* và *"Giấy nhận nợ"* do Ngân hàng cung cấp có chữ ký của ông K, bà C. Có đủ cơ sở xác định giữa Ngân hàng và ông K, bà C đã xác lập hợp đồng tín dụng theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng.

[2.2] Tại phiên hòa giải, ông K, bà C thừa nhận có vay của Ngân hàng số tiền nói trên. Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Như vậy, việc ông K, bà C đã vay của Ngân hàng và còn nợ số tiền vốn là 700.000.000 đồng là có thật.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự thì: *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn"*. Xét thấy ông K, bà C đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng và ý kiến của Kiểm sát viên, buộc ông K, bà C liên đới trả cho Ngân hàng số tiền vốn là 700.000.000 đồng.

[2.3] Xét yêu cầu trả tiền lãi: Ngân hàng yêu cầu ông K, bà C trả số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn theo hợp đồng từ ngày vay là 106.224.657 đồng. Theo quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự thì: *"Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:*

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;

b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác".

Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông K, bà C trả tiền lãi là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Kể từ ngày 16/4/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ thì ông K và bà C vẫn phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số: 0023/2020-HĐCVHM/NHCT76031 ngày 21/01/2020.

[2.5] Đối với Hợp đồng thế chấp tài sản số 17.0332/HĐTC ngày 07/8/2017; Hợp đồng thế chấp tài sản số 16.0355-A/HĐTC ngày 19/10/2016; Hợp đồng thế chấp tài sản số 16.0355-B/HĐTC ngày 19/10/2016 được giao kết giữa các bên có nội dung phù hợp với quy định pháp luật, được công chứng hợp pháp nên là hợp đồng có hiệu lực pháp luật.

[2.6] Căn cứ vào nội dung hợp đồng, có đủ cơ sở xác định ông K, bà C đã dùng tài sản của mình bao gồm quyền sử dụng đất phần đất tại thửa 254, tờ bản

đồ số 10, diện tích 2.318,2 m^2 tại ấp H, xã Đ, huyện G, Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ099221, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH00266 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Gạo cấp ngày 31/12/2010 cho *ông K và bà C* và ***phần quyền sử dụng của ông K, bà C trong khối tài sản chung của hộ gia đình*** là quyền sử dụng đất tại thửa 147 tờ bản đồ số 10 diện tích 4.185,4 m^2 tại ấp H, xã Đ, huyện G, Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ099323, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH00457 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Gạo cấp ngày 31/12/2010 cho *hộ bà L*; thửa 355 tờ bản đồ số 18 diện tích 4.197,7 m^2 tại ấp N, xã Đ, huyện G, Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ7099462, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH00267 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Gạo cấp ngày 31/12/2010 cho *hộ ông K*; thửa 23 tờ bản đồ số 22 diện tích 994,7 m^2 tại ấp T, xã Đ, huyện G, Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ099900, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH00501 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Gạo cấp ngày 03/3/2011 cho *hộ bà C* thế chấp cho Ngân hàng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, trường hợp ông K và bà C không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của ông K, bà C và phần quyền sử dụng của ông K, bà C trong khối tài sản chung của hộ gia đình nêu trên để thu hồi nợ.

[2.7] Xét Hợp đồng thế chấp tài sản số 17.0332/HĐTC ngày 07/8/2017; Hợp đồng thế chấp tài sản số 16.0355-A/HĐTC ngày 19/10/2016; Hợp đồng thế chấp tài sản số 16.0355-B/HĐTC ngày 19/10/2016 tuy không có nói đến việc bảo lãnh nhưng bản chất của những hợp đồng này là bà L, anh S, chị N, ông H, bà L, anh V, chị Mỹ Duyên thế chấp phần quyền sử dụng đất của mình để bảo lãnh nghĩa vụ trả tiền nợ vay của ông K theo quy định tại khoản 3 Điều 336 Bộ luật Dân sự. Do vậy, trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp của ông K, bà C như tại mục [2.6] nhưng vẫn không đủ để trả nợ thì bà L, anh S, chị N, ông H, bà L, anh V, chị Mỹ Duyên phải liên đới trả cho Ngân hàng số tiền mà ông K không thể thanh toán. Nếu bà L, anh S, chị N, ông H, bà L, anh V, chị Mỹ Duyên không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là phần quyền sử dụng đất của bà L, anh S, chị N, ông H, bà L, anh V, chị Mỹ Duyên trong khối tài sản chung của hộ gia đình để thu hồi nợ.

[2.8] Về chi phí tố tụng: Chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ, xác minh là 2.000.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên ông K và bà C phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng theo quy định tại Điều 157,Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ngân hàng đã nộp tạm ứng số tiền 2.000.000 đồng nên ông K và bà C có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng số tiền 2.000.000 đồng chi phí tố tụng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 317, Điều 335, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V. Buộc ông K và bà C liên đới trả cho Ngân hàng V số tiền:

- Vốn là 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng);

- Lãi là: 106.224.657 đồng (Một trăm lẻ sáu triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm năm mươi bảy đồng).

Kể từ ngày 16/4/2021 cho đến khi thi hành án xong, ông K, bà C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số: 0023/2020-HĐCVHM/NHCT76031 ngày 21/01/2020.

2. Trường hợp ông K và bà C không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là:

- Quyền sử dụng đất phần đất tại thửa 254, tờ bản đồ số 10, diện tích 2.318,2 m^2 đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm tại ấp H, xã Đ, huyện G, Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ099221, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH00266 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Gạo cấp ngày 31/12/2010 cho ông K và bà C.

- Và phần quyền sử dụng đất của ông K, bà C trong khối tài sản chung của hộ gia đình là quyền sử dụng đất tại thửa 147 tờ bản đồ số 10 diện tích 4.185,4 m^2 đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm tại ấp H, xã Đ, huyện G, Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ099323, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH00457 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Gạo cấp ngày 31/12/2010 cho hộ bà L; thửa 355 tờ bản đồ số 18 diện tích 4.197,7 m^2 đất trồng cây lâu năm tại ấp N, xã Đ, huyện G, Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ7099462, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH00267 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Gạo cấp ngày 31/12/2010 cho hộ ông K; thửa 23 tờ bản đồ số 22 diện tích 994,7 m^2 đất trồng cây lâu năm tại ấp T, xã Đ, huyện G, Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ099900, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH00501 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Gạo cấp ngày 03/3/2011 cho hộ bà C.

3. Sau khi xử lý tài sản thế chấp của ông K, bà C mà không đủ để trả nợ thì buộc bà L, anh S, chị N, ông H, bà L, anh V, chị D phải liên đới trả cho Ngân hàng V số tiền nợ mà ông K không thể thanh toán theo nghĩa vụ bảo lãnh.

4. Trường hợp bà L, anh S, chị N, ông H, bà L, anh V, chị D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ bảo lãnh thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa 147 tờ bản đồ số 10 diện tích 4.185,4 m^2 đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm tại ấp H, xã Đ, huyện G, Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ099323, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH00457 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Gạo cấp ngày 31/12/2010 cho hộ bà L; thửa 355 tờ bản đồ số 18 diện tích 4.197,7 m^2 đất trồng cây lâu năm tại ấp N, xã Đ, huyện G, Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ7099462, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH00267 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Gạo cấp ngày 31/12/2010 cho hộ ông K; thửa 23 tờ bản đồ số 22 diện tích 994,7 m^2 đất trồng cây lâu năm tại ấp T, xã Đ, huyện G, Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ099900, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH00501 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Gạo cấp ngày 03/3/2011 cho hộ bà C để thu hồi nợ còn lại.

5. Chi phí tố tụng: Buộc ông K và bà C có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng số tiền 2.000.000 đồng chi phí tố tụng.

6. Về án phí:

Ông K và bà C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 36.187.000 đồng.

Ngân hàng V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.802.000 đồng theo biên lai thu tiền số 4136 ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

7. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Chi Cục THADS;
- Lưu.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Vĩnh Lộc